

**Học phần: Kiến trúc và thiết kế phần mềm**

Nhóm: INT1427-02

**Số tín chỉ:** 3**Ngày thi: 31/5/2016****Giờ thi: 8h00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Điểm m THI	Điểm KTHP	Ghi chú
<b>Trọng số:</b>				<b>10</b>	<b>10</b>		<b>20</b>	<b>60</b>		
1	B12DCCN469	Đàm Đức Anh	D12CNPM1	8,0	7,0		6,0	4,0	<b>5,1</b>	
2	B12DCCN055	Phạm Quang Chiến	D12CNPM1	10,0	10,0		9,0	4,0	<b>6,2</b>	
3	B12DCCN153	Đào Việt Chung	D12CNPM5	10,0	10,0		9,0	7,0	<b>8,0</b>	
4	B12DCCN106	Bùi Văn Đạm	D12CNPM1	10,0	9,0		8,0	7,0	<b>7,7</b>	
5	B12DCCN268	Nguyễn Thị Diệp	D12CNPM1	10,0	9,0		8,0	5,0	<b>6,5</b>	
6	B12DCCN108	Lê Tất Doãn	D12CNPM2	10,0	9,0		8,0	6,0	<b>7,1</b>	
7	B12DCCN270	Nguyễn Đăng Đông	D12CNPM3	10,0	9,0		8,0	8,0	<b>8,3</b>	
8	B12DCCN308	Nguyễn Hồng Đông	D12CNPM4	10,0	9,0		8,0	6,0	<b>7,1</b>	
9	B12DCCN426	Đoàn Công Dũng	D12CNPM1	10,0	9,0		8,0	4,0	<b>5,9</b>	
10	B12DCCN480	Nguyễn Văn Dũng	D12CNPM2	8,0	7,0		6,0	5,0	<b>5,7</b>	
11	B12DCCN012	Phan Văn Dũng	D12CNPM4	10,0	9,0		7,0	5,0	<b>6,3</b>	
12	B12DCCN272	Vũ Văn Dũng	D12CNPM6	10,0	9,0		8,0	7,0	<b>7,7</b>	
13	B12DCCN275	Nguyễn Văn Duy	D12CNPM3	10,0	10,0		9,0	6,0	<b>7,4</b>	
14	B12DCCN429	Đặng Thị Giang	D12CNPM1	10,0	9,0		8,0	8,0	<b>8,3</b>	
15	B12DCCN162	Nguyễn Minh Hải	D12CNPM4	10,0	9,0		9,0	6,0	<b>7,3</b>	
16	B12DCCN314	Đỗ Thị Hân	D12CNPM5	10,0	9,0		9,0	8,0	<b>8,5</b>	
17	B12DCCN315	Phạm Thị Hạnh	D12CNPM2	10,0	9,0		8,0	7,0	<b>7,7</b>	
18	B12DCCN164	Trần Đình Hạnh	D12CNPM1	10,0	9,0		8,0	5,0	<b>6,5</b>	
19	B12DCCN317	Nguyễn Đình Hiệp	D12CNPM6	10,0	9,0		7,0	5,0	<b>6,3</b>	
20	B12DCCN165	Lỗ Thái Hòa	D12CNPM2	10,0	9,0		8,0	6,0	<b>7,1</b>	
21	B12DCCN277	Vũ Tiến Hoàn	D12CNPM4	10,0	9,0		9,0	8,0	<b>8,5</b>	
22	B12DCCN064	Tạ Duy Hoàng	D12CNPM1	10,0	9,0		8,0	6,0	<b>7,1</b>	
23	B12DCCN278	Bùi Quý Hoạt	D12CNPM4	10,0	9,0		9,0	8,0	<b>8,5</b>	
24	B12DCCN437	Nguyễn Thị Hương	D12CNPM1	7,0	7,0		6,0	1,0	<b>3,2</b>	
25	B12DCCN381	Phạm Trí Khang	D12CNPM3	10,0	9,0		8,0	5,0	<b>6,5</b>	
26	B12DCCN382	Đỗ Đăng Khoa	D12CNPM5	8,0	7,0		7,0	4,0	<b>5,3</b>	
27	B12DCCN387	Đào Xuân Lộc	D12CNPM5	10,0	9,0		8,0	7,0	<b>7,7</b>	
28	B12DCCN179	Nguyễn Xuân Lộc	D12CNPM3	10,0	9,0		9,0	7,0	<b>7,9</b>	
29	B12DCCN334	Nguyễn Ngọc Minh	D12CNPM4	7,0	6,0		6,0	2,0	<b>3,7</b>	
30	B12DCCN236	Trương Quang Minh	D12CNPM2						<b>0,0</b>	Không đủ ĐKDT
31	B12DCCN335	Nguyễn Thị Mỹ	D12CNPM1	9,0	8,0		7,0	0,0	<b>3,1</b>	Vắng có phép
32	B12DCCN183	Lê Đức Nghĩa	D12CNPM2	10,0	9,0		9,0	7,0	<b>7,9</b>	
33	B12DCCN449	Lê Huy Nghĩa	D12CNPM3	8,0	7,0		6,0	5,0	<b>5,7</b>	
34	B12DCCN076	Nguyễn Tất Nghĩa	D12CNPM1	7,0	6,0		6,0	0,0	<b>2,5</b>	

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Điểm m THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10		20	60		
35	B12DCCN291	Nguyễn Thị Nhung	D12CNPM4	9,0	7,0		6,0	8,0	7,6	
36	B12DCCN337	Nguyễn Văn Phái	D12CNPM6	9,0	8,0		7,0	2,0	4,3	
37	B12DCCN136	Nguyễn Xuân Sơn	D12CNPM3	9,0	7,0		6,0	7,0	7,0	
38	B12DCCN403	Nguyễn Chí Song	D12CNPM6	10,0	9,0		9,0	8,0	8,5	
39	B12DCCN193	Nguyễn Thị Phương Thảo	D12CNPM1	7,0	6,0		6,0	1,0	3,1	
40	B12DCCN044	Phạm Văn Thơm	D12CNPM2	10,0	9,0		9,0	8,0	8,5	
41	B12DCCN515	Hoàng Đức Thuận	D12CNPM5	9,0	8,0		7,0	1,0	3,7	
42	B12DCCN350	Lê Thị Thúy	D12CNPM1	10,0	8,0		7,0	7,0	7,4	
43	B12DCCN408	Bùi Duy Tiến	D12CNPM6	8,0	7,0		6,0	0,0	2,7	
44	B12DCCN352	Bùi Trần Tiến	D12CNPM5	10,0	9,0		9,0	7,0	7,9	
45	B12DCCN197	Dương Văn Tiến	D12CNPM3	10,0	9,0		9,0	8,0	8,5	
46	B12DCCN252	Phan Thị Trang	D12CNPM4	9,0	8,0		7,0	4,0	5,5	
47	B12DCCN463	Lê Thành Trung	D12CNPM3	9,0	8,0		7,0	1,0	3,7	
48	B12DCCN298	Nguyễn Quán Tuấn	D12CNPM3	10,0	9,0		7,0	7,0	7,5	
49	B12DCCN300	Đào Thanh Tùng	D12CNPM1	8,0	7,0		6,0	4,0	5,1	
50	B12DCCN049	Nguyễn Duy Tùng	D12CNPM2	10,0	10,0		9,0	7,0	8,0	
51	B12DCCN097	Vương Hoàng Vinh	D12CNPM1	10,0	9,0		9,0	6,0	7,3	
52	0921040270	Nguyễn Việt Anh	D11CNPM3	9,0	8,0		7,0	1,0	4,0	
53	B112104317	Đinh Viết Hoàng	D11CN6	10,0	9,0		8,0	0,0	4,0	
54	B112104018	Đinh Xuân Hoàng	D11CN1	10,0	9,0		8,0	3,0	5,0	
55	B112104324	Lê Đức Khả	D11CN6	7,0	6,0		5,0	0,0	2,0	Vắng
56	B112104517	Nguyễn Thị Quyền	D11CNPM1	9,0	8,0		7,0	5,0	6,0	
57	B112104100	Trần Văn Tuấn	D11CNPM2						0,0	Không đủ ĐKDT

**Ghi chú:**

- Số SV theo DS:	57	SV	- Số SV dự thi:	53	SV
- Số SV thi đạt:	44	SV	- Số SV vắng thi:	1	SV
- Số SV thi không đạt:	9	SV	- Số SV vắng thi có phép:	1	SV
- Số SV thi lại:	4	SV			

Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2016

TRƯỞNG TRUNG TÂM

CÁN BỘ KHÓP PHÁCH

SỐ 1

SỐ 2

Phạm Anh Tuấn

Nguyễn Hoa Cường

Nguyễn Xuân Trường







